CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (UPCOM: PVH)

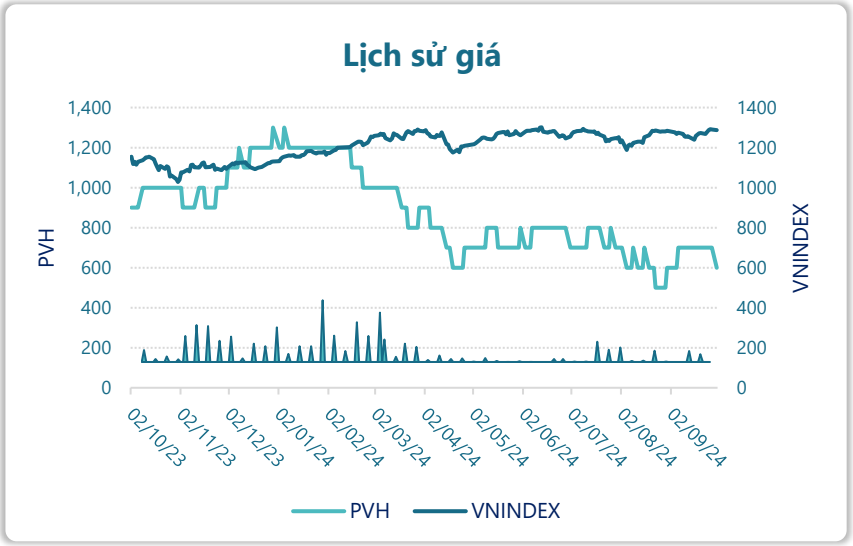

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	500
SL cổ phiếu LH	21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,925
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13
P/E	-0.8
EPS	-745

DT thuần

Q3/24

0.55

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.65| -94.7%

YoY: ▼3.60| -86.9%

LN sau thuế

Q3/24

-2.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.70| 78.2%

YoY: ▼1.21| -81.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

-496%

+/- YoY: ▼ 460%

DT thuần

9T 2024

13.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.90| -6.5%

LN sau thuế

9T 2024

-16.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼13.8| -506%

ROE

Q3/24

-23.1%

#VALUE!

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

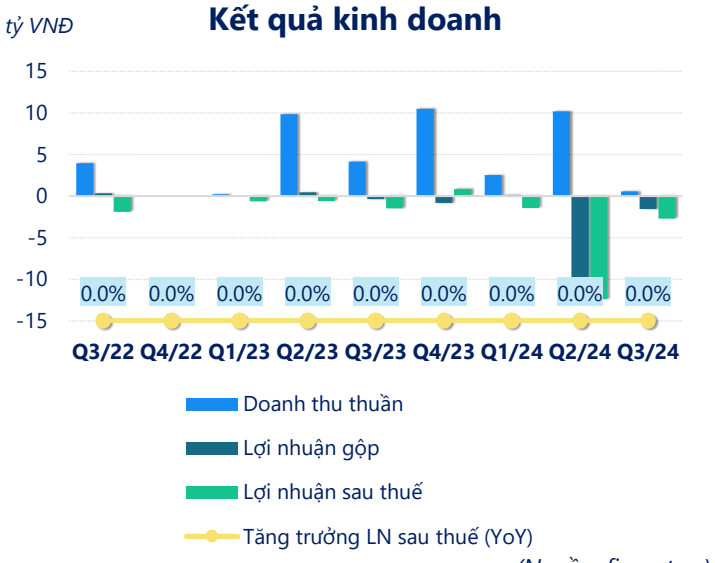

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

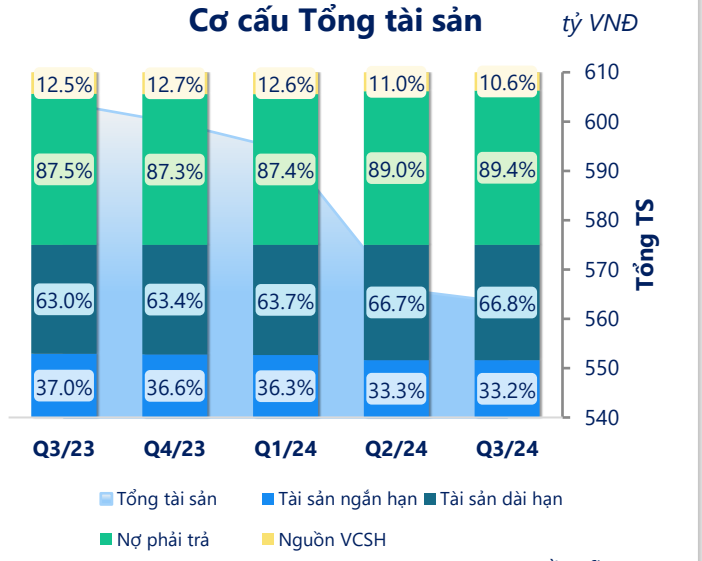

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

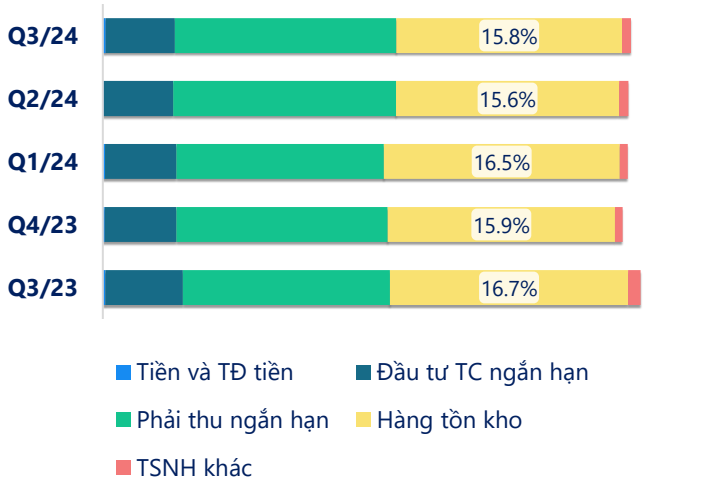

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

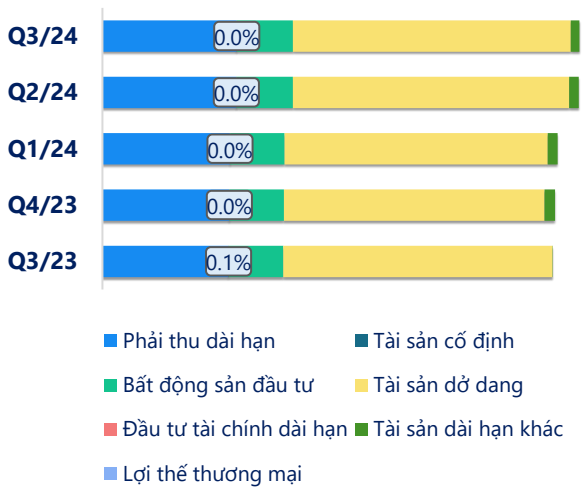

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

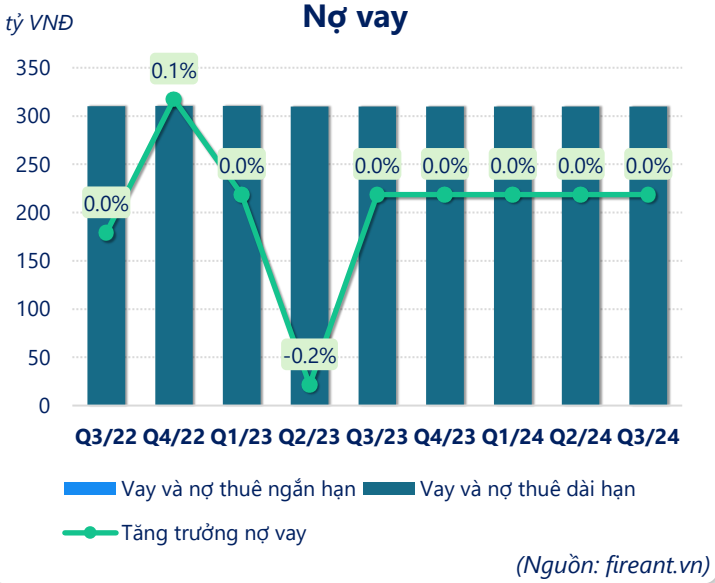

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

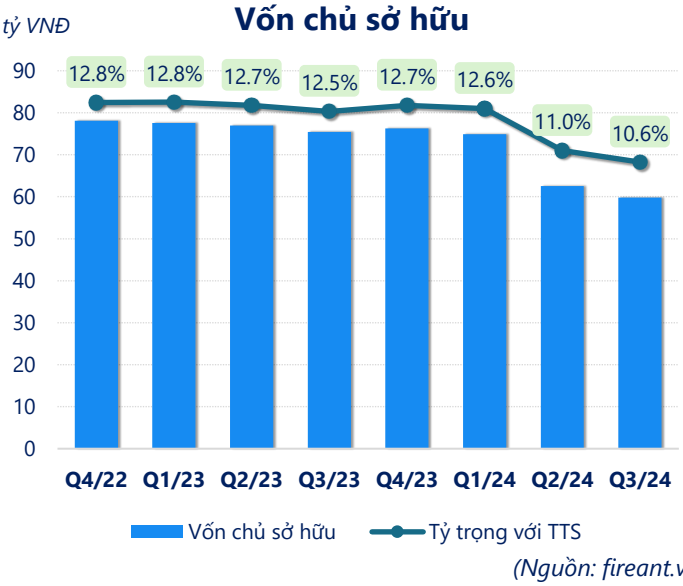

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

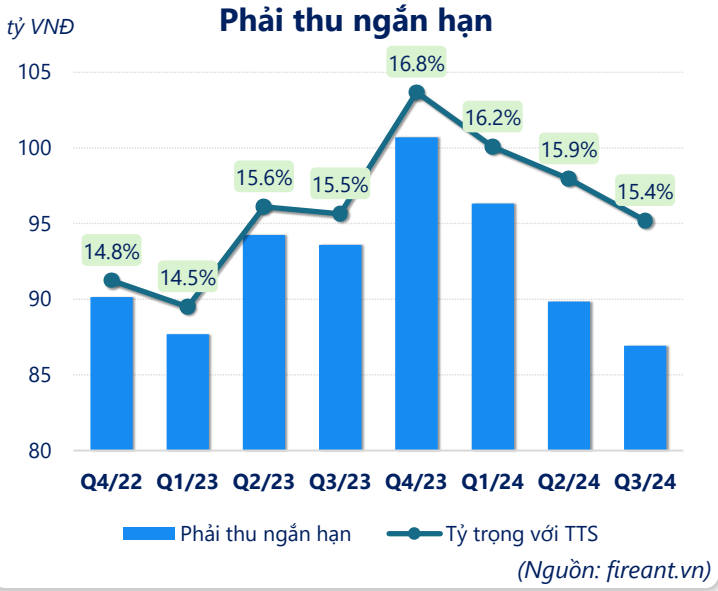

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

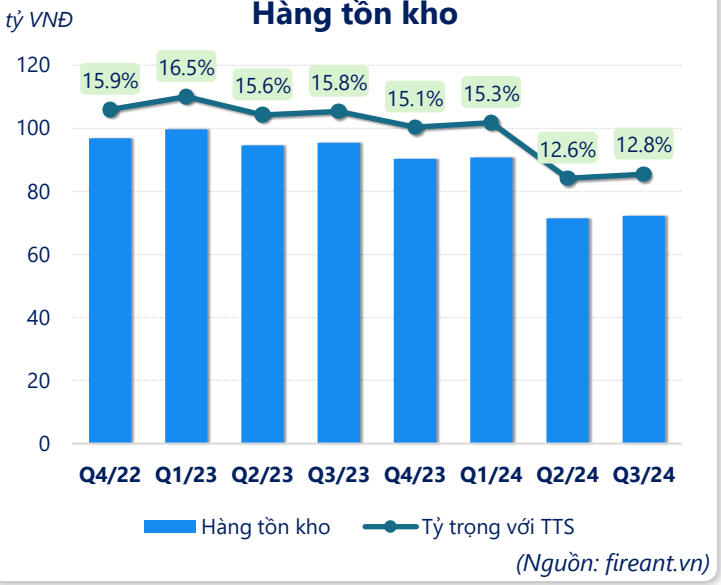

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

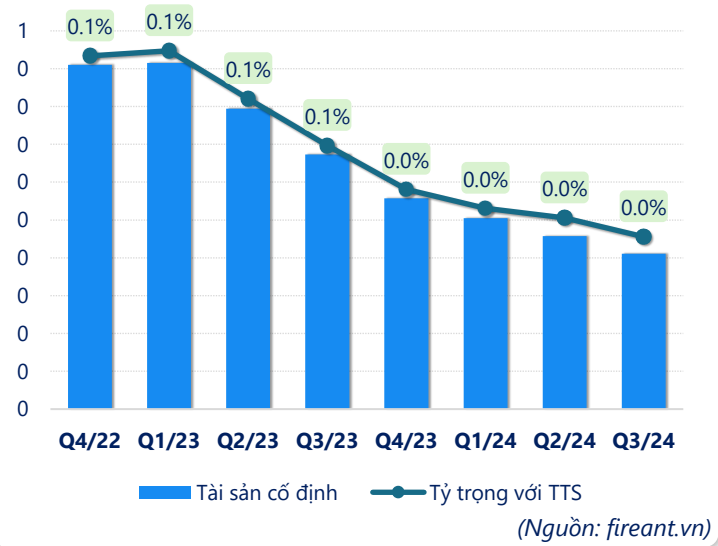

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

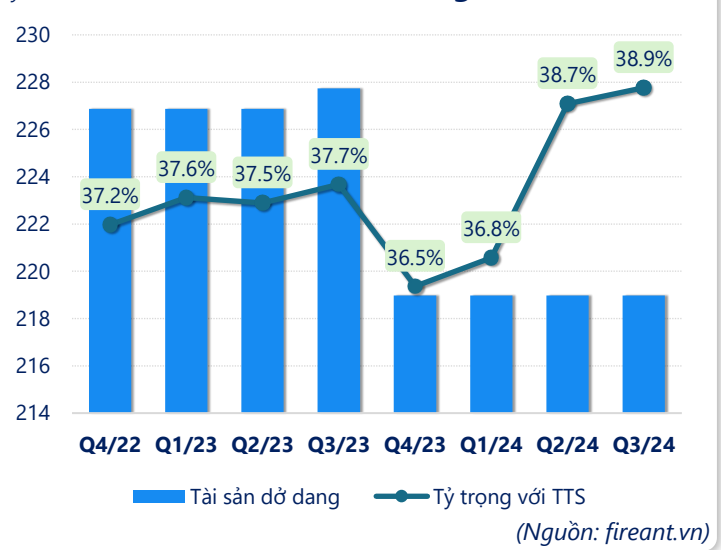

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

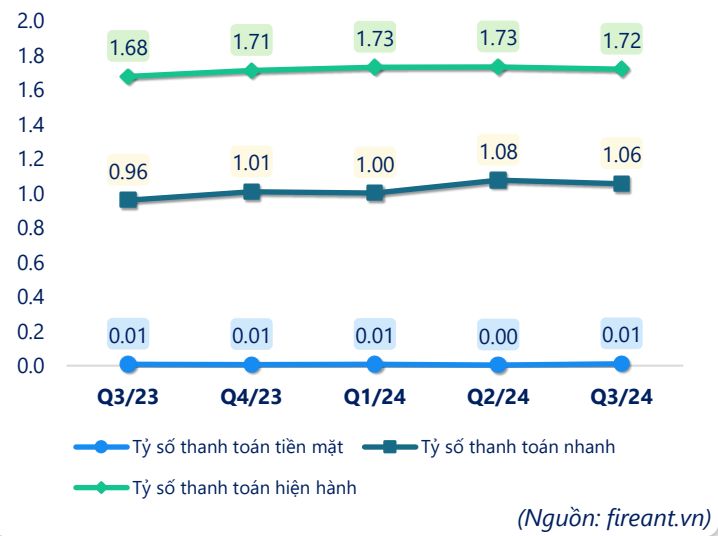

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

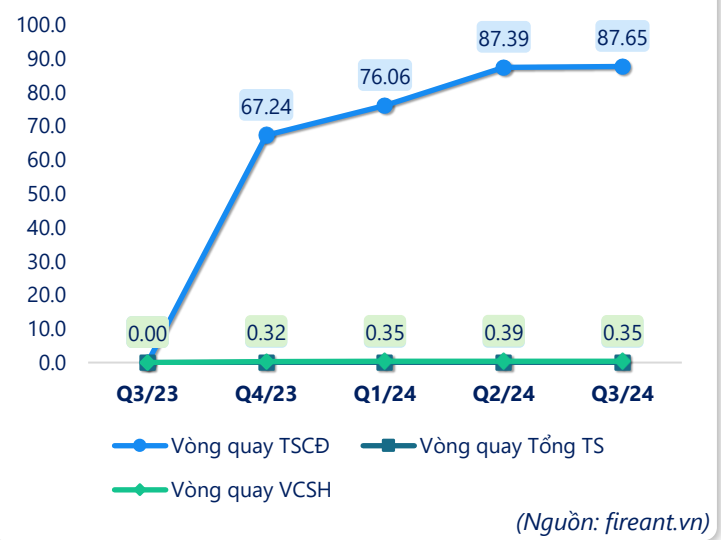

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**604**	**600**	**594**	**566**	**563**
Tài sản ngắn hạn	**223**	**220**	**215**	**189**	**187**
Tiền và tương đương tiền	1.07	0.78	0.88	0.36	1.14
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.2	25.5	25.0	25.0	25.0
Phải thu ngắn hạn	93.6	101	96.3	89.8	86.9
Hàng tồn kho	95.4	90.3	90.8	71.5	72.2
Tài sản ngắn hạn khác	3.77	2.31	2.50	1.87	1.90
Tài sản dài hạn	**381**	**380**	**379**	**378**	**376**
Phải thu dài hạn	106	106	106	106	106
Tài sản cố định	0.34	0.28	0.25	0.23	0.21
Bất động sản đầu tư	46.0	45.6	45.2	44.7	44.3
Tài sản dở dang	228	219	219	219	219
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.11	8.87	8.37	7.60	6.85
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**528**	**523**	**519**	**504**	**504**
Nợ ngắn hạn	**133**	**128**	**125**	**109**	**109**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	16.7	16.4	16.6	16.7
Nợ dài hạn	395	395	395	395	395
Vay và nợ thuê dài hạn	310	310	310	310	310
Nguồn vốn chủ sở hữu	**75.4**	**76.3**	**74.9**	**62.5**	**59.8**
Vốn chủ sở hữu	**75.4**	**76.3**	**74.9**	**62.5**	**59.8**
Vốn điều lệ	210	210	210	210	210
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)